

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Thuận Hòa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Khu dân cư Thuận Hòa.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 311/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1204/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận cho triển khai thực hiện đối với các dự án đầu tư, các khu vực để đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất chưa đăng ký trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của các huyện, thị xã và thành phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 404/TTr-STNMT ngày 05/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Thuận Hòa chuyển 23.596,8 m² đất sang mục đích sử dụng đất khác, giao đất và cho thuê đất



cho Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Thuận Hòa với diện tích 23.596,8 m² (hai mươi ba nghìn năm trăm chín mươi sáu phẩy tám mét vuông) theo số liệu đo đạc thực tế để xây dựng khu dân cư Thuận Hòa (trong đó có 400,0 m² đất ở tại nông thôn của Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Thuận Hòa và 1.001,3 m² đất thuộc hành lang bảo vệ đường bộ), cụ thể như sau:

1. Giao đất để quản lý xây dựng đường giao thông, trồng cây xanh với diện tích 8.550,0 m², trong đó:

+ Đường giao thông: 8.066,0 m² (trong đó bao gồm 1.001,3 m² đất thuộc hành lang bảo vệ đường bộ và 147,2 m² đất ở nông thôn của Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Thuận Hòa chuyển sang).

+ Trồng cây xanh: 484,0 m².

2. Giao đất có thu tiền sử dụng đất để xây dựng nhà ở với diện tích 14.380,0 m² (trong đó bao gồm 231,6 m² đất ở nông thôn của Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Thuận Hòa chuyển sang).

3. Cho thuê đất trả tiền một lần để xây dựng bãi xe, đất công cộng khác và đất hạ tầng kỹ thuật với diện tích 666,8 m², trong đó:

+ Đất bãi xe: 186,4 m².

+ Đất công cộng khác: 335,4 m².

+ Đất hạ tầng kỹ thuật: 145,0 m² (trong đó bao gồm 21,2 m² đất ở nông thôn của Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Thuận Hòa chuyển sang).

(Có biểu chi tiết kèm theo)

- Khu đất tọa lạc tại: Xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Vị trí, ranh giới khu đất: Được xác định theo Tờ đo đạc chính lý thửa đất của bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Phước thực hiện ngày 21/6/2019.

- Mục đích sử dụng: (Có biểu chi tiết kèm theo).

- Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 18/02/2069.

- Tiền thuê đất, tiền sử dụng đất: Do cơ quan có thẩm quyền xác định.

- Nguồn gốc đất: Thuộc đất của Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Thuận Hòa được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp đổi 02 GCNQSD đất số vào sổ CT 12225 (số seri CR 580967), số vào sổ CT 12226 (số seri CR 580968) tại Quyết định số 328/QĐ-STNMT ngày 06/5/2019.

Điều 2. Sau khi có Quyết định, các cơ quan, đơn vị liên quan và Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Thuận Hòa có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chi đạo:

a) Văn phòng Đăng ký đất đai lập hồ sơ xác định thông tin địa chính về thửa đất gửi đến cơ quan có thẩm quyền để xác định nghĩa vụ tài chính mà Công ty

TNHH Một thành viên Bất động sản Thuận Hòa phải nộp; thu hồi bản gốc 02 GCNQSD đất số vào sổ CT 12225 (số seri CR 580967) ngày 06/5/2019, số vào sổ CT 12226 (số seri CR 580968) ngày 06/5/2019 và chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

b) Chi cục Quản lý đất đai phối hợp các đơn vị có liên quan bàn giao đất ngoài thực địa.

2. Cục Thuế Bình Phước phối hợp với các cơ quan có liên quan thông báo các khoản nghĩa vụ tài chính mà Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Thuận Hòa phải nộp.

3. Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Thuận Hòa:

a) Chấp hành đúng các quy định về quản lý và sử dụng đất.

b) Nộp tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và các khoản phí, lệ phí khác theo quy định.

c) Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Thuận Hòa chỉ được chuyển nhượng quyền sử dụng đất khi đã thực hiện hoàn chỉnh dự án và đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 194 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 41 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

4. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo đơn vị chuyên môn đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Cục Thuế Bình Phước; Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài, Chủ tịch UBND xã Tiến Hưng, Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Thuận Hòa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, P. KT,
TT phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Huỳnh Anh Minh

**BIỂU THÔNG KÊ DIỆN TÍCH GIAO ĐẤT VÀ CHO THUÊ ĐẤT CHO CÔNG TY TNHH MTV
BẤT ĐỘNG SẢN THUẬN HÒA ĐỂ XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ THUẬN HÒA**

(Kèm theo Quyết định số 1457/QĐ-UBND ngày 11 / 7 /2019 của UBND tỉnh Bình Phước)

STT	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Cụm	Diện tích (m ²)	Loại đất (*)	Ghi chú
I	Giao đất để quản lý			8.550,0		
1	16	678		8.066,0	DGT	Đất giao thông (trong đó bao gồm 1.001,3 m ² đất thuộc HLBVĐB và 147,2 m ² đất ONT của Công ty chuyển sang)
2	16	699	CX	484,0	DKV	Đất cây xanh
II	Cho thuê đất trả tiền một lần			666,8		
1	16	701	BX	186,4	DGT	Đất bãi xe
2	16	721	CC	335,4	DCK	Đất công cộng khác
3	16	651	HTKT	145,0	DTL	Đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật (trong đó bao gồm 21,2 m ² đất ONT của Công ty chuyển sang)
III	Giao đất có thu tiền sử dụng đất			14.380,0		Trong đó bao gồm 231,6 m ² đất ONT của Công ty chuyển sang
1	16	630	A	110,7	ONT	Nhà liên kế
2	16	631	A	123,7	ONT	Nhà liên kế
3	16	632	A	128,8	ONT	Nhà liên kế
4	16	633	A	133,9	ONT	Nhà liên kế
5	16	634	A	139,0	ONT	Nhà liên kế
6	16	635	A	144,1	ONT	Nhà liên kế
7	16	636	A	123,3	ONT	Nhà liên kế
8	16	637	A	122,8	ONT	Nhà liên kế
9	16	638	A	142,3	ONT	Nhà liên kế
10	16	639	A	137,2	ONT	Nhà liên kế
11	16	640	A	132,1	ONT	Nhà liên kế
12	16	641	A	127,0	ONT	Nhà liên kế
13	16	642	A	121,9	ONT	Nhà liên kế
14	16	643	A	108,8	ONT	Nhà liên kế
15	16	644	B	168,8	ONT	Nhà liên kế
16	16	645	B	183,0	ONT	Nhà liên kế
17	16	646	B	172,4	ONT	Nhà liên kế
18	16	647	B	161,9	ONT	Nhà liên kế
19	16	648	B	151,3	ONT	Nhà liên kế
20	16	649	B	140,8	ONT	Nhà liên kế
21	16	650	B	130,2	ONT	Nhà liên kế
22	16	652	C	120,4	ONT	Nhà liên kế
23	16	653	C	120,2	ONT	Nhà liên kế



24	16	654	C	112,0	ONT	Nhà liên kế
25	16	655	C	120,2	ONT	Nhà liên kế
26	16	656	D	111,2	ONT	Nhà liên kế
27	16	657	D	120,0	ONT	Nhà liên kế
28	16	658	D	120,0	ONT	Nhà liên kế
29	16	659	D	120,0	ONT	Nhà liên kế
30	16	660	D	120,0	ONT	Nhà liên kế
31	16	661	D	120,0	ONT	Nhà liên kế
32	16	662	D	112,0	ONT	Nhà liên kế
33	16	663	E	115,6	ONT	Nhà liên kế
34	16	664	E	120,3	ONT	Nhà liên kế
35	16	665	E	120,4	ONT	Nhà liên kế
36	16	666	E	120,5	ONT	Nhà liên kế
37	16	667	E	120,9	ONT	Nhà liên kế
38	16	668	E	120,8	ONT	Nhà liên kế
39	16	669	E	120,6	ONT	Nhà liên kế
40	16	670	D	132,0	ONT	Nhà liên kế
41	16	671	D	132,0	ONT	Nhà liên kế
42	16	672	D	132,0	ONT	Nhà liên kế
43	16	673	D	132,0	ONT	Nhà liên kế
44	16	674	D	126,7	ONT	Nhà liên kế
45	16	675	D	130,5	ONT	Nhà liên kế
46	16	676	D	132,0	ONT	Nhà liên kế
47	16	677	D	132,0	ONT	Nhà liên kế
48	16	679	C	120,3	ONT	Nhà liên kế
49	16	680	C	121,2	ONT	Nhà liên kế
50	16	681	C	123,9	ONT	Nhà liên kế
51	16	682	C	130,0	ONT	Nhà liên kế
52	16	683	C	128,6	ONT	Nhà liên kế
53	16	684	C	126,3	ONT	Nhà liên kế
54	16	685	D	132,0	ONT	Nhà liên kế
55	16	686	D	132,0	ONT	Nhà liên kế
56	16	687	D	132,0	ONT	Nhà liên kế
57	16	688	D	132,0	ONT	Nhà liên kế
58	16	689	D	132,0	ONT	Nhà liên kế
59	16	690	D	132,0	ONT	Nhà liên kế
60	16	691	E	121,0	ONT	Nhà liên kế
61	16	692	E	121,2	ONT	Nhà liên kế
62	16	693	E	121,3	ONT	Nhà liên kế
63	16	694	E	121,8	ONT	Nhà liên kế
64	16	695	E	121,7	ONT	Nhà liên kế
65	16	696	E	121,6	ONT	Nhà liên kế
66	16	697	E	121,4	ONT	Nhà liên kế
67	16	698	F	132,0	ONT	Nhà liên kế
68	16	700	F	132,0	ONT	Nhà liên kế
69	16	702	C	166,3	ONT	Nhà liên kế
70	16	703	F	132,0	ONT	Nhà liên kế
71	16	704	F	132,0	ONT	Nhà liên kế

72	16	705	F	132,0	ONT	Nhà liên kế
73	16	706	F	132,0	ONT	Nhà liên kế
74	16	707	F	132,0	ONT	Nhà liên kế
75	16	708	F	132,0	ONT	Nhà liên kế
76	16	709	E	122,0	ONT	Nhà liên kế
77	16	710	E	122,1	ONT	Nhà liên kế
78	16	711	E	122,2	ONT	Nhà liên kế
79	16	712	E	122,6	ONT	Nhà liên kế
80	16	713	E	122,5	ONT	Nhà liên kế
81	16	714	E	122,3	ONT	Nhà liên kế
82	16	715	F	132,0	ONT	Nhà liên kế
83	16	716	F	132,0	ONT	Nhà liên kế
84	16	717	F	132,0	ONT	Nhà liên kế
85	16	718	F	132,0	ONT	Nhà liên kế
86	16	719	F	107,9	ONT	Nhà liên kế
87	16	720	F	106,8	ONT	Nhà liên kế
88	16	722	F	113,2	ONT	Nhà liên kế
89	16	723	F	118,6	ONT	Nhà liên kế
90	16	724	F	123,9	ONT	Nhà liên kế
91	16	725	F	129,2	ONT	Nhà liên kế
92	16	726	F	145,1	ONT	Nhà liên kế
93	16	727	E	122,7	ONT	Nhà liên kế
94	16	728	E	122,9	ONT	Nhà liên kế
95	16	729	E	140,1	ONT	Nhà liên kế
96	16	730	G	120,0	ONT	Nhà liên kế
97	16	731	G	120,0	ONT	Nhà liên kế
98	16	732	G	120,0	ONT	Nhà liên kế
99	16	733	G	120,0	ONT	Nhà liên kế
100	16	734	G	120,0	ONT	Nhà liên kế
101	16	735	G	120,4	ONT	Nhà liên kế
102	16	736	G	121,3	ONT	Nhà liên kế
103	16	737	G	124,2	ONT	Nhà liên kế
104	16	738	G	127,0	ONT	Nhà liên kế
105	16	739	G	127,3	ONT	Nhà liên kế
106	16	740	G	127,5	ONT	Nhà liên kế
107	16	741	G	127,7	ONT	Nhà liên kế
108	16	742	G	128,1	ONT	Nhà liên kế
109	16	743	G	128,1	ONT	Nhà liên kế
110	16	744	G	127,6	ONT	Nhà liên kế
111	16	745	G	143,3	ONT	Nhà liên kế
112	16	746	G	182,5	ONT	Nhà liên kế
Tổng (I+II+III)				23.596,8		

(*) Ghi chú:

DKV: Đất khu vui chơi giải trí, công cộng

DGT: Đất giao thông

ONT: Đất ở tại nông thôn

DCK: Đất công trình công cộng khác

DTL: Đất thủy lợi